

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 19-7-2017

V/v ly hôn giữa chị T và anh B

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thuận
2. Ông Trần Văn Trọng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Danh Thị Ngọc Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Tùng Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 75/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc “*yêu cầu ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa:

1- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mộng T- sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Lộc A, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

2- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Phước T, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-3-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2012, ngày 04-02-2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải giấy đăng ký kết hôn số 33 quyển số 01. Năm 2016 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, suốt ngày cãi vã lẫn nhau và theo chị T thì anh B là một người chồng người cha không có trách nhiệm và không có ý thức để xây dựng cuộc sống gia đình suốt ngày ham mê cờ bạc mà bỏ bê vợ con. Vì vậy chị T và ông B ly thân nhau từ năm 2016, nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh B không còn nên chị xin ly hôn với anh B.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-7-2013 hiện nay đang sống với chị T, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được anh B nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của anh B đối với yêu cầu của chị T và yêu cầu phản tố của anh B.*

Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự cũng như quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Ngoài ra thẩm phán còn vi phạm như sau như thông báo thụ lý tổng đạt cho đương sự chậm, biên bản niêm yết không có xác nhận của Ủy ban nhân dân, biên bản giao nhận văn bản tố tụng ghi sai số văn bản, người nhận thay văn bản tố tụng không cam kết là sẽ giao lại cho đương sự. Đương sự thì bị đơn chưa chấp hành vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự không đến Tòa tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh B.
- Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

*Về tố tụng:* Chị T yêu cầu ly hôn với anh B đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh B có nơi cư trú tại khu phố Phước T, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B được triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] - Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa chị T và anh B xảy ra mâu thuẫn vì vậy chị T và anh B ly thân mạnh ai nấy sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, từ ngày thụ lý yêu cầu của anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B không đến Tòa án, không cung cấp bản khai không có ý kiến để xác định lời trình bày của anh B về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Biên bản xác minh thì hiện nay anh B vẫn còn sinh sống tại nhà mẹ ruột của anh B tại địa chỉ khu phố Phước T, thị trấn Phước Hải nhưng thường xuyên vắng nhà nên không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng vì vậy phải qua niêm yết, về tình trạng hôn nhân như bà T trình bày, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]- Về nuôi con chung: Chị T và anh B có 01 con chung, từ ngày hai bên không còn sống chung, con chung do chị T nuôi dưỡng, bà T có công việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Nên có đủ căn cứ để giao con chung cho chị T được nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nên chị T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mộng T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

*2. Về con chung:* Chị Trần Thị Mộng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Nguyễn Minh K, sinh ngày 9-7-2013, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

*4. Về án phí:* Chị Trần Thị Mộng T phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003399 ngày 04-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- UBND thị trấn Phước Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN VĂN TIẾN**